

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LANG CHÁNH
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2023/HS-ST
Ngày 11 tháng 5 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LANG CHÁNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Tám.

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Thế Anh
- Ông Lê Hồng Thúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhân là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Len - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2023/TLST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Lê Văn T, sinh ngày 01/3/1970, tại xã TP, huyện LC, tỉnh Thanh Hoá; nơi ĐKTT: Thôn TT, xã TP, huyện LC, tỉnh Thanh Hoá; nơi ở hiện tại: Thôn CM, xã DL, huyện LC, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn B (đã chết) và bà Lê Thị Tr, sinh năm: 1944; có vợ và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 114/2007/HSST, ngày 07/8/2007, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt bị cáo 07 (Bảy) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, đến ngày 30/9/2015 chấp hành xong toàn bộ bản án; tại Bản án số 04/2023/HSST ngày 28/3/2023, Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh xử phạt bị cáo 18 (Mười tám) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/12/2022, hiện bị cáo đang chấp hành hình phạt tù tại Nhà tạm giữ Công an huyện Lang Chánh, có mặt.

2. Lê Văn D, sinh ngày 10/7/1980, tại xã TP, huyện LC, tỉnh Thanh Hoá; nơi ĐKTT và nơi ở hiện tại: Thôn TT, xã TP, huyện LC, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Á, sinh năm 1949 và bà Lương Thị Á, sinh năm 1949; có vợ và 04 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 16/01/2023 đến ngày 09/3/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn

bằng biện pháp Bảo lãnh, bị cáo tại ngoại, có mặt.

3. Lê Ngọc T1, sinh ngày 27/9/1984, tại xã TP, huyện LC, tỉnh Thanh Hoá; nơi ĐKTT và nơi ở hiện tại: Thôn CM, xã ĐL, huyện LC, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Ngọc L, sinh năm 1959 và bà Lê Thị Th, sinh năm 1960; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/01/2023, bị cáo tại ngoại, có mặt.

4. Lê Văn H, sinh ngày 23/12/1975, tại xã TP, huyện LC, tỉnh Thanh Hoá; nơi ĐKTT và nơi ở hiện tại: Thôn CM, xã ĐL, huyện LC, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Phú Q (đã chết) và bà Hà Thị Ch, sinh năm 1938; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/01/2023, bị cáo tại ngoại, có mặt.

5. Lê Văn Đ, sinh ngày 12/6/1970, tại xã TP, huyện LC, tỉnh Thanh Hoá; nơi ĐKTT: Thôn TT, xã TP, huyện LC, tỉnh Thanh Hoá; nơi ở hiện tại: Thôn CM, xã ĐL, huyện LC, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T (đã chết) và bà Lê Thị C (đã chết); có vợ và 04 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/01/2023, bị cáo tại ngoại, có mặt.

6. Lê Văn Đ1, sinh ngày 27/8/1992, tại xã ĐL, huyện LC, tỉnh Thanh Hoá; nơi ĐKTT và nơi ở hiện tại: Thôn CM, xã ĐL, huyện LC, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh S, sinh năm 1973 và bà Phạm Thị H, sinh năm 1966; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/01/2023, bị cáo tại ngoại, có mặt.

7. Phạm Văn Ph, sinh ngày 26/6/1982, tại xã ĐL, huyện LC, tỉnh Thanh Hoá; nơi ĐKTT và nơi ở hiện tại: Thôn CM, xã ĐL, huyện LC, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Nh (đã chết) và bà Lê Thị Y, sinh năm 1960; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/01/2023, bị cáo tại ngoại, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn Đ1:*

Bà Lê Thị Thu V - Trợ giúp viên pháp lý

Địa chỉ: Chi nhánh trợ giúp pháp lý số X, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn Ph:*

Ông Lê Ngọc H - Trợ giúp viên pháp lý

Địa chỉ: Chi nhánh trợ giúp pháp lý số X, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- *Người làm chứng:*

Chị Lê Thị D1, sinh năm 2003

Địa chỉ: Bản E, xã TN, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 17/12/2022, Lê Văn T, Lê Văn Đ và Lê Văn Đ1 ăn cơm, uống rượu tại nhà sàn của Lê Văn T thuộc Thôn CM, xã ĐL, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa. Sau đó có thêm Lê Văn D, Lê Ngọc T1, Lê Văn H và Phạm Văn Ph đến chơi. T1, H và Ph đi lên nhà sàn để cùng uống rượu còn Lê Văn D đứng ở dưới khu vực nhà xây. Đến 14 giờ cùng ngày, khi ăn cơm, uống rượu gần xong, Lê Văn T, Lê Văn Đ, Lê Văn Đ1, Lê Ngọc T1, Lê Văn H và Phạm Văn Ph nảy sinh ý định đánh bạc và cùng thống nhất tham gia. Sau đó T1, H, Ph, T, Đ, Đ1 đi xuống phòng khách ở nhà xây. Lúc này tại giữa gian phòng khách có trải sẵn một chiếc chiếu để tiếp khách và một bộ bài tú lơ khơ để ở góc phòng gần đó, nên các đối tượng đã sử dụng bộ bài tú lơ khơ gồm 52 cây bài rồi cùng nhau ngồi đánh bạc. Hình thức đánh bạc là đánh "liêng" được thua trực tiếp bằng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, mỗi ván bài chỉ đặt cược trước là 10.000 đồng mà không "tổ" thêm, sau khi đặt cược xong mỗi người được chia ba cây bài rồi lật bài lên tính điểm luôn, ai cao điểm hơn sẽ thắng và được tiền cược của những người còn lại. Nếu có từ hai người trở lên bằng điểm nhau và cao hơn những người còn lại thì so chất bài của cây bài cao nhất theo thứ tự từ cao xuống thấp là cơ, rô, tép, bích. Cách tính điểm, bộ sấp là cao nhất gồm ba cây bài giống nhau, cao nhất là ba cây A, thấp nhất là ba cây 2; bộ liêng gồm ba cây có thứ tự liên tiếp nhau, cao nhất là QKA, thấp nhất là 2, 3, 4; bộ ảnh gồm ba cây hình người; tính nước cao nhất là 9 nước, thấp nhất là 0 nước, các cây bài 10, j, Q, K tính 0 điểm.

Quá trình đánh bạc, Lê Văn T và Lê Văn D ngoài chơi cược chung với các bị cáo khác còn chơi cược riêng với nhau. T chỉ sử dụng các tờ tiền có mệnh giá 500.000 đồng để đánh bạc, không có các tờ tiền mệnh giá thấp hơn nên T không đặt tiền cược chung 10.000 đồng mà ai thắng ván trước sẽ đặt tiền cược chung cho T luôn, T chỉ lấy bài để cược riêng với D và T cũng không so điểm bài với những người còn lại. Trong các ván cược riêng, T và D vẫn sử dụng ba cây bài được chia trong ván cược chung với mọi người rồi lật bài lên luôn để tính điểm, nếu bằng điểm nhau thì cũng so chất bài, số tiền thắng hoặc thua một ván bằng tiền đặt cược trước của mỗi người, thấp nhất là 500.000 đồng và có một ván cao nhất là 2.000.000 đồng.

Do thấy D thắng được nhiều tiền nên Lê Ngọc T1 và Lê Văn H xin góp tiền với D để chơi với T. T1 và H sử dụng bài của D để so điểm, tiền thắng hoặc thua một ván bằng tiền mà T1, H đã góp vào ván đó. T1 góp tiền 05 ván, hai ván đầu

mỗi ván 50.000 đồng, hai ván tiếp theo mỗi ván 100.000 đồng và đều thắng, đến ván cuối góp 150.000 đồng thì thua. H góp 03 ván, ván đầu 150.000 đồng, hai ván sau đó mỗi ván 200.000 đồng và đều thắng.

Đến 15 giờ, Lê Văn T thua hết tiền nên đứng dậy nghỉ trước, sau đó Phạm Văn Ph chơi thêm 2, 3 ván và cũng thua hết tiền nên ra nghỉ, còn lại Lê Văn D, Lê Ngọc T1, Lê Văn H, Lê Văn Đ, Lê Văn Đ1 chơi thêm vài ván nữa rồi nghỉ đánh bạc và ra về.

Qua trình điều tra xác định, Lê Văn T đã sử dụng số tiền vào việc đánh bạc là 10.000.000 đồng, Lê Văn D 860.000 đồng, Lê Ngọc T1 250.000 đồng, Lê Văn H 300.000 đồng, Lê Văn Đ 850.000 đồng, Lê Văn Đ1 280.000 đồng, Phạm Văn Ph 130.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 12.670.000 đồng (*Mười hai triệu sáu trăm bảy mươi ngàn đồng*).

Sau khi nghỉ đánh bạc, Lê Văn T thua số tiền 10.000.000 đồng, Phạm Văn Ph thua 130.000 đồng, Lê Văn Đ1 thua 190.000 đồng. Lê Văn D thắng số tiền 9.440.000 đồng, Lê Ngọc T1 thắng 400.000 đồng, Lê Văn H thắng 250.000 đồng, Lê Văn Đ thắng 230.000 đồng. Toàn bộ số tiền D, T1 và H thắng bạc khi cược riêng với Lê Văn T cũng được các bị cáo sử dụng để đánh bạc chung với các bị cáo còn lại.

Về vật chứng của vụ án:

- 01 (Một) bộ bài tú lơ khơ gồm 52 cây bài, đã qua sử dụng;
- 01 (Một) chiếc chiếu dạng chiếu nhựa, màu xanh - vàng, kích thước (180 x 277)cm, đã qua sử dụng.
- Tiền do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành, 7.000.000 đồng có liên quan đến hành vi đánh bạc do chị Lê Thị D1 giao nộp.
- Tiền do Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành, 2.370.000 đồng có liên quan đến hành vi đánh bạc do Lê Ngọc T1, Lê Văn H, Lê Văn Đ và Lê Văn Đ1 giao nộp.

Toàn bộ vật chứng trên đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lang Chánh để đảm bảo việc xét xử và thi hành án.

Đối với số tiền 7.000.000 đồng do chị Lê Thị D1 giao nộp. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa Lê Văn T, Lê Văn D và chị Lê Thị D1 thống nhất trình bày: Đây là số tiền do D thắng bạc của T mà có, sau đó T đã cướp giật được D và giao cho chị D1 cất giữ, trong quá trình điều tra, chị D1 đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra. Đến nay, T và D chấp nhận giao nộp để đảm bảo cho việc thi hành án của vụ án đánh bạc, chị D1 không có ý kiến gì.

Tại Cáo trạng số 09/CT-VKS-LC ngày 16/3/2023 của VKSND huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Lê Văn T, Lê Văn D, Lê Ngọc T1, Lê Văn H, Lê Văn Đ, Lê Văn Đ1 và Phạm Văn Ph về tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều

17 của BLHS đối với các bị cáo; áp dụng thêm Điều 38, Điều 55 và Điều 56 của BLHS đối với Lê Văn T; áp dụng thêm điểm i khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 của BLHS đối với Lê Văn D; áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51, Điều 65 của BLHS đối với Lê Ngọc T1, Lê Văn H, Lê Văn Đ, Lê Văn Đ1 và Phạm Văn Ph. Xử phạt Lê Văn T từ 12 (*Mười hai*) đến 15 (*Mười lăm*) tháng tù, tổng hợp với hình phạt 18 (*Mười tám*) tháng tù tại Bản án số 04/2023/HSST ngày 28/3/2023 của Toà án nhân dân huyện Lang Chánh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án; Lê Văn D từ 09 (*Chín*) đến 12 (*Mười hai*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 (*Mười tám*) đến 24 (*Hai mươi tư*) tháng; Lê Ngọc T1, Lê Văn H, Lê Văn Đ, Lê Văn Đ1 và Phạm Văn Ph mỗi bị cáo từ 06 (*Sáu*) đến 09 (*Chín*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (*Mười hai*) đến 18 (*Mười tám*) tháng. Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 12.670.000 đồng, trong đó: Số tiền các bị cáo đã tự nguyện giao nộp là 9.370.000 đồng; còn lại 3.300.000 đồng buộc Lê Văn D phải tiếp tục giao nộp. Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ (52 cây bài); trả lại cho chủ sở hữu 01 chiếc chiếu. Các bị cáo Lê Văn T, Lê Văn D, Lê Ngọc T1, Lê Văn H, Lê Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lê Văn Đ1 và Phạm Văn Ph.

Người bào chữa cho các bị cáo Lê Văn Đ1, Phạm Văn Ph thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt và điều luật áp dụng; về hình phạt bổ sung; về xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm đối với Lê Văn Đ1 và Phạm Văn Ph. Đề nghị HĐXX cho các bị cáo Đ1 và Ph được hưởng mức án thấp.

Các bị cáo thành khẩn nhận tội, không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên; đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo có điều kiện cải tạo, học tập trở thành người tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên, của Viện kiểm sát và Kiểm sát viên, của người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên, của Viện kiểm sát và Kiểm sát viên, của người bào chữa. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên, của Viện kiểm sát và Kiểm sát viên, của người bào chữa đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về căn cứ định tội, định khung hình phạt đối với các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Văn T, Lê Văn D, Lê Ngọc T1, Lê Văn H, Lê Văn Đ, Lê Văn Đ1 và Phạm Văn Ph thành khẩn nhận tội. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời

gian từ 14 giờ 00 phút đến 15 giờ 00 phút ngày 17/12/2022, tại nhà Lê Văn T, ở Thôn CM, xã ĐL, huyện LC, tỉnh Thanh Hoá, các bị cáo T, D, T1, H, Đ, Đ1 và Ph cùng tham gia đánh bạc trái phép bằng hình thức chơi liêng, được thua bằng tiền, tổng số tiền các bị cáo đã sử dụng để đánh bạc là 12.670.000đ (*Mười hai triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng*). Ngoài hành vi đánh bạc, Lê Văn T còn cho các bị cáo khác sử dụng nơi ở của mình làm địa điểm đánh bạc, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “*Gá bạc*”. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “*Đánh bạc*”. Số tiền sử dụng để đánh bạc trên năm triệu đồng và dưới năm mươi triệu đồng.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh truy tố các bị cáo về tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 điều 321 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất vụ án: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng, gây dư luận xấu trong nhân dân, ảnh hưởng xấu đến công cuộc xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư. Để pháp luật được tôn trọng, trật tự an toàn xã hội được duy trì, để giáo dục người phạm tội và phòng ngừa tội phạm, đấu tranh loại trừ các tệ nạn xã hội, hành vi phạm tội của các bị cáo phải được xử lý nghiêm theo quy định của BLHS.

[4]. Về đồng phạm, vai trò và trách nhiệm của các bị cáo. Các bị cáo cùng tham gia đánh bạc, không có sự bàn bạc và cấu kết chặt chẽ với nhau, nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Lê Văn T vừa cho các bị cáo sử dụng nơi ở của mình làm địa điểm đánh bạc, vừa tham gia đánh bạc chung với các bị cáo vừa đánh bạc riêng với bị cáo D và đánh bạc với số tiền nhiều nhất, nên có vai trò thứ nhất và phải chịu trách nhiệm cao hơn bị cáo khác; Lê Văn D vừa tham gia đánh bạc chung với các bị cáo vừa đánh bạc riêng với bị cáo T nên có vai trò thứ hai và phải chịu trách nhiệm thấp hơn bị cáo T nhưng cao hơn các bị cáo còn lại; Lê Ngọc T1, Lê Văn H, Lê Văn Đ, Lê Văn Đ1 và Phạm Văn Ph tham gia đánh bạc với số tiền ít và tương đương nhau, trong đó T1 và H ngoài đánh bạc chung còn đánh bạc riêng với T nhưng thời gian và số tiền tham gia đánh bạc riêng không nhiều, nên T1, H, Đ, Đ1 và Ph cùng có vai trò thứ ba và phải chịu trách nhiệm thấp hơn các bị cáo khác.

[5]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo: Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo D, T1, H, Đ, Đ1 và Ph đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, riêng bị cáo D có bố là thương binh. Nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS đối với các bị cáo; áp dụng thêm điểm i khoản 1, 2 Điều 51 của BLHS đối với D; áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 của BLHS đối với T1, H, Đ, Đ1 và Ph để xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt.

Bị cáo Lê Văn T có nhân thân xấu, ngày 07/8/2007 đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 07 (*Bảy*) năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; ngay sau khi phạm tội “*Đánh bạc*” bị đưa ra xét xử lần này thì cùng ngày

17/12/2022, bị cáo lại phạm tội “*Cướp giật tài sản*” và bị Toà án nhân dân huyện Lang Chánh xử phạt 18 (*Mười tám*) tháng tù, mặc dù bản án về tội “*Cướp giật tài sản*” đã có hiệu lực pháp luật, nhưng hành vi cướp giật tài sản thực hiện sau hành vi đánh bạc nên bị cáo không bị áp dụng tình tiết tái phạm mà đây là cơ sở để đánh giá về nhân thân bị cáo. Như vậy, bị cáo không có khả năng tự cải tạo, nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì sẽ gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, nên áp dụng Điều 38 của BLHS buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mới đủ điều kiện giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt. Tại Bản án số 04/2023/HSST ngày 28/3/2023 của Toà án nhân dân huyện Lang Chánh đã xử phạt bị cáo 18 (*Mười tám*) tháng tù, đã có hiệu lực pháp luật, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của BLHS để tổng hợp hình phạt của hai bản án và buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung, thời gian bị cáo đã chấp hành hình phạt tù của Bản án số 04/2023/HSST ngày 28/3/2023 được trừ vào hình phạt chung.

Các bị cáo Lê Văn D, Lê Ngọc T1, Lê Văn H, Lê Văn Đ, Lê Văn Đ1 và Phạm Văn Ph có nhân thân tốt, là người dân tộc thiểu số, nhất thời phạm tội; có từ 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên quy định tại khoản 1 Điều 51 của BLHS và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của BLHS; có nơi cư trú rõ ràng; có khả năng tự cải tạo. Vì vậy, không cần buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà áp dụng Điều 65 của BLHS cho các bị cáo được hưởng án treo và giao cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ điều kiện để các bị cáo cải tạo, học tập trở thành người tốt.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo dùng tiền làm phương tiện phạm tội, sát phạt lẫn nhau. Nhưng, các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, không có việc làm và thu nhập ổn định; Lê Văn Đ1 và Phạm Văn Ph là thành viên trong hộ cận nghèo giai đoạn 2022 - 2025; bị cáo D có bố là thương binh và có con bị khuyết tật nặng, nên căn cứ khoản 2 Điều 50 của BLHS xét miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[7]. Về vật chứng và xử lý vật chứng:

- Tổng số tiền các bị cáo đã sử dụng để đánh bạc là 12.670.000 đồng cần phải tịch thu, truy thu để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước, trong đó:

+ Tịch thu để sung vào ngân sách nhà nước số tiền các bị cáo và chị Lê Thị D1 đã giao nộp là 9.370.000 đồng, gồm: Lê Ngọc T1 giao nộp 650.000 đồng, Lê Văn H giao nộp 550.000 đồng, Lê Văn Đ giao nộp 1.080.000 đồng, Lê Văn Đ1 giao nộp 90.000 đồng và chị Lê Thị D1 giao nộp 7.000.000 đồng.

+ Buộc Lê Văn D giao nộp số tiền đã sử dụng vào việc đánh bạc 860.000 đồng và số tiền thắng bạc 2.440.000 đồng chưa giao nộp, tổng là 3.300.000 đồng, để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- 01 (một) bộ bài tú lơ khơ gồm 52 cây bài, đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc chiếu dạng chiếu nhựa, màu xanh - vàng, kích thước (180 x 277)cm, đã qua sử dụng, các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc là công cụ phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 7.000.000 đồng, chị Lê Thị D1 đã tự nguyện giao nộp. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, Lê Văn T và Lê Văn D thống nhất trình bày: Nguồn gốc là của Lê Văn T, T đã sử dụng để đánh bạc với D và D đã thắng số tiền này, sau đó T đã cướp giật lại. Nay cả T và D đều tự nguyện giao nộp để đảm bảo cho việc thi hành án, nên chấp nhận.

Đối với chị Lê Thị D1, khi được bố chồng là Lê Văn T giao cho cất giữ 7.000.000 đồng, sau khi biết nguồn gốc của số tiền này là phạm tội mà có, chị đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra. Chị không liên quan đến số tiền trên và không có yêu cầu gì, nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Các bị cáo Lê Văn T, Lê Văn D, Lê Ngọc T1, Lê Văn H, Lê Văn Đ bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; các bị cáo Lê Văn Đ1 và Phạm Văn Ph bị kết án, nhưng là thành viên trong hộ cận nghèo theo quy định của Chính phủ và đề nghị được miễn án phí hình sự sơ thẩm, nên căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/NQ-UTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc, xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm cho Đ1 và Ph.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn T, Lê Văn D, Lê Ngọc T1, Lê Văn H, Lê Văn Đ, Lê Văn Đ1 và Phạm Văn Ph phạm tội “*Đánh bạc*”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17 và khoản 2 Điều 50 của BLHS đối với các bị cáo; áp dụng thêm Điều 38, khoản 1 Điều 56 của BLHS đối với bị cáo T; áp dụng thêm điểm i khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 của BLHS đối với bị cáo D; áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51, Điều 65 của BLHS đối với bị cáo T1, H, Đ, Đ1 và Ph.

Xử phạt:

- Bị cáo Lê Văn T 12 (*Mười hai*) tháng tù, tổng hợp với hình phạt 18 (*Mười tám*) tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*” tại Bản án số 04/2023/HSST ngày 28/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 30 (*Ba mươi*) tháng tù, được trừ thời gian đã chấp hành hình phạt tù của Bản án số 04/2023/HSST ngày 28/3/2023 (*Từ ngày 18/12/2022 đến ngày 10/5/2023*) là 04 (*Bốn*) tháng 24 (*Hai mươi tư*) ngày, còn lại 25 (*Hai mươi lăm*) tháng 06 (*Sáu*) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 11/5/2023.

- Bị cáo Lê Văn D 09 (*Chín*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (*Mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Lê Ngọc T1 06 (*Sáu*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (*Mười hai*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Lê Văn H 06 (*Sáu*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (*Mười hai*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Lê Văn Đ 06 (*Sáu*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (*Mười hai*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Lê Văn Đ1 06 (*Sáu*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (*Mười hai*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Phạm Văn Ph 06 (*Sáu*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (*Mười hai*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Văn D cho UBND xã TP, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao các bị cáo Lê Ngọc T1, Lê Văn H, Lê Văn Đ, Lê Văn Đ1 và Phạm Văn Ph cho UBND xã ĐL, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo Lê Văn T, Lê Văn D, Lê Ngọc T1, Lê Văn H, Lê Văn Đ, Lê Văn Đ1 và Phạm Văn Ph.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của BLHS; khoản 2 Điều 106 của BLTTHS.

- Tịch thu, truy thu để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước tổng số tiền các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc là 12.670.000đ (*Mười hai triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng*), trong đó:

+ Tịch thu để sung vào ngân sách nhà nước số tiền 9.370.000đ (*Chín triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng*). Số tiền trên đang lưu giữ tại tài khoản số 3949.0.1054460 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lang Chánh, theo Giấy nộp tiền do Ngân hàng Nông nghiệp huyện Lang Chánh lập ngày 17/4/2023.

+ Buộc Lê Văn D tiếp tục giao nộp số tiền 3.300.000đ (*Ba triệu ba trăm nghìn đồng*) để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Tịch thu tiêu hủy số vật chứng gồm: 01 (một) bộ bài tú lơ khơ gồm 52 cây bài, đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc chiếu dạng chiếu nhựa, màu xanh - vàng, kích thước (180 x 277)cm, đã qua sử dụng. Các vật chứng trên đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lang Chánh, theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 20/3/2023.

Về áp phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/NQ-UTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đối với Lê Văn T, Lê Văn D, Lê Ngọc T1, Lê Văn H, Lê Văn Đ, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm; Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/NQ-UTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đối với Lê Văn Đ1

và Phạm Văn Ph, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Án sử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo và người bào chữa cho các bị cáo Lê Văn Đ1, Phạm Văn Ph. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- VKSND huyện Lang Chánh;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- CQĐT Công an huyện Lang Chánh;
- CQTHAHS Công an huyện Lang Chánh;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Viết Tám